

## CÂU TỒN TẠI TRONG TÁC PHẨM CỦA NAM CAO

Lê Thị Bình<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

*Câu tồn tại là một dạng câu khá đặc biệt của tiếng Việt. Về cấu tạo ngữ pháp: không có chủ ngữ, về ý nghĩa: biểu thị sự tồn tại (hiểu theo nghĩa rộng) của sự vật, hiện tượng... Thực thể mang trạng thái tồn tại được biểu thị bằng bổ ngữ của câu. Trong từng tiểu loại, câu tồn tại đều có những trường hợp điển hình (có cấu trúc cú pháp gồm những bộ phận cần và đủ), những trường hợp không điển hình với việc thêm các yếu tố tình thái hay liên kết hoặc thay đổi thứ tự sắp xếp các bộ phận trong tổ chức hình tuyến của câu. Bài viết tìm hiểu về các dạng kiểu câu tồn tại trong tác phẩm của Nam Cao.*

**Từ khóa:** Nhà văn Nam Cao, cấu trúc cú pháp, ý nghĩa, câu tồn tại, bổ ngữ.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Câu tồn tại là một dạng câu “đặc biệt” của tiếng Việt: Về cấu tạo ngữ pháp: không có chủ ngữ; về ý nghĩa: biểu thị sự tồn tại (kể cả sự xuất hiện và tiêu biến) của sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất... Câu tồn tại được Nam Cao sử dụng khá nhiều trong các sáng tác đã góp phần không nhỏ vào việc khẳng định phong cách ngôn ngữ của nhà văn. Bài viết chủ yếu tìm hiểu các kiểu dạng cú pháp của câu tồn tại trong tác phẩm Nam Cao trên cơ sở lý thuyết về kiểu câu này nhằm minh chứng cho sự phong phú của câu tiếng Việt trong hoạt động hành chức.

### 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Câu tồn tại trong tiếng Việt

##### 2.1.1. Khái quát về câu tồn tại trong tiếng Việt

Trong Việt ngữ học, các nhà nghiên cứu vẫn chưa có sự thống nhất trong cách nhìn nhận về câu tồn tại. Bùi Minh Toán chưa tách riêng kiểu câu này mà chỉ quan niệm như một bộ phận của câu đặc biệt. Câu tồn tại là “nhãn” của kiểu câu biểu thị ý nghĩa tồn tại dù có chủ ngữ hay không [11]. Đặc biệt, có ý kiến cho rằng, đây là hiện tượng đảo chủ ngữ. Tiếp cận từ quan điểm của Diệp Quang Ban (2005), chúng tôi cho rằng, câu tồn tại là kiểu câu “đặc biệt” được phân biệt với các kiểu câu khác trước hết bởi ý nghĩa biểu thị sự “tồn tại” của sự vật, hành động, tính chất... Về hình thức, câu tồn tại là kiểu câu không có chủ ngữ. Đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa này là cơ sở để xác định câu tồn tại, đồng thời phân biệt nó với các kiểu câu khác như câu mang ý nghĩa tồn tại, câu đặc biệt, câu tình lược...

<sup>1</sup> Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethibinh@hdu.edu.vn

Câu mang ý nghĩa tồn tại là kiểu câu có mục đích diễn đạt “sự tồn tại”. Người ta có thể diễn đạt “sự tồn tại” của vật như là miêu tả sự vật đó tồn tại, tách quan hệ tồn tại ra thành đặc trưng miêu tả hoặc diễn đạt “sự tồn tại” của sự vật như là mối quan hệ vốn có của nó.

Câu tồn tại trong tiếng Việt là kiểu câu có đặc điểm riêng về ý nghĩa và cấu trúc cú pháp. Về ý nghĩa, câu tồn tại nêu sự tồn tại gắn liền với thực thể; về cấu trúc cú pháp, câu tồn tại không có chủ ngữ. Ngoài ra, trong tiếng Việt, ý nghĩa tồn tại còn được diễn đạt bằng kiểu câu có chủ ngữ chỉ thực thể tồn tại, vị tổ chỉ quan hệ tồn tại, theo kiểu vị tổ miêu tả “sự tồn tại” của thực thể ở chủ ngữ.

So sánh: (a) Tiền còn đầy.

(b) Còn tiền đầy.

Loại câu (a) miêu tả sự tồn tại của chủ thể “tiền”, về cấu trúc cú pháp có đủ chủ ngữ - vị tổ - bổ ngữ. Đây là kiểu câu mang ý nghĩa tồn tại và không thuộc đối tượng nghiên cứu của bài viết.

Loại câu (b) được tách khỏi câu mang ý nghĩa tồn tại nói chung thành một loại câu riêng biệt với nhãn “câu tồn tại”.

Với cách hiểu trên, câu tồn tại cũng được đặt trong mối quan hệ với câu đặc biệt và câu tình lược.

Câu đặc biệt (câu đơn đặc biệt) “là kiến trúc gồm có một trung tâm cú pháp chính (có thể có trung tâm cú pháp phụ), không chứa hay không hàm ẩn một trung tâm cú pháp thứ hai có quan hệ với nó như là quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ” [3; tr.153]. Không xem nó như một tiểu loại câu đơn, Bùi Minh Toán đặt câu đặc biệt trong quan hệ bình đẳng với câu đơn (câu đơn bình thường), câu ghép và câu phức thành phần. Ông định nghĩa: “Câu đặc biệt là câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ, mà chỉ được tạo thành bởi một từ hoặc một cụm từ chính phụ hay cụm từ đẳng lập nhưng vẫn là một cấu trúc cú pháp độc lập, có chức năng thực hiện một hành động ngôn ngữ như những câu bình thường.” [15; tr.163]. Câu đặc biệt có bốn chức năng cơ bản: xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc; thông báo, liệt kê sự tồn tại của sự vật, hiện tượng; bộc lộ cảm xúc; gọi đáp. Câu tồn tại và câu đặc biệt là hai kiểu câu được phân loại theo hai tiêu chí hoàn toàn khác nhau: câu tồn tại là kiểu câu được phân chia dựa vào cấu tạo ngữ pháp và nghĩa biểu hiện còn câu đặc biệt được phân loại dựa vào cấu trúc cú pháp. Câu tồn tại mang nghĩa biểu hiện còn câu đặc biệt có trường hợp chỉ mang nghĩa tình thái (khi nó trong chức năng bộc lộ cảm xúc hay hô gọi).

Về cấu tạo, hai kiểu câu này đều là những kiến trúc cú pháp không bình thường.

Về ngữ nghĩa, câu tồn tại biểu thị sự tồn tại của sự vật, hiện tượng, hành động, tính chất... tức là phải có nghĩa biểu hiện. Và, dù ở dạng đơn giản nhất (như câu tồn tại hiển hiện) cũng phải có cấu trúc nghĩa biểu hiện của một sự tình quan hệ. Trong kiểu câu này, “quan hệ tồn tại” (sự thể) cùng “chủ thể tồn tại” (tham thể) gắn quyện với nhau, tức là quan hệ tồn tại không tách khỏi vật thể tồn tại và được diễn đạt bằng chính tham thể với tư cách vị tổ của cấu trúc cú pháp (Ví dụ: *Bom tạ*). Trong khi đó, kiểu câu đặc biệt dùng để gọi đáp hay bộc lộ cảm xúc không có nghĩa biểu hiện.

Câu tỉnh lược là một biến thể của câu trong sử dụng. Tỉnh lược được hiểu như là một bộ phận nào đó của câu lẽ ra phải có mặt trong câu nhưng vì những lý do nào đó được rút bỏ đi. Bộ phận bị tỉnh lược có thể được khôi phục nhờ ngữ cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp (trong tình huống đối thoại). Bởi lẽ đó, mặc dù không đầy đủ thành phần nhưng ta vẫn có thể hiểu được nghĩa của câu đang xét. Xét trong tổ chức ngữ pháp của câu thì hiện tượng tỉnh lược về nguyên tắc chỉ diễn ra với các yếu tố trong cấu trúc cơ sở của câu, tức là chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ. Hiện tượng tỉnh lược chủ ngữ diễn ra khá phổ biến (đặc biệt trong tình huống hội thoại). Khi đó, câu không có chủ ngữ làm chủ thể của hành động, trạng thái, tính chất hay quan hệ... nhưng hoàn toàn có thể khôi phục được. Trong khi đó, câu tồn tại không có chủ ngữ và chủ thể tồn tại đóng vai trò bổ ngữ. Sự phân biệt này có thể tóm gọn là: về cấu trúc cú pháp, câu tỉnh lược chủ ngữ vốn là câu có chủ ngữ nhưng bị rút bỏ đi cho gọn còn câu tồn tại là câu không có chủ ngữ; về nghĩa biểu hiện, câu tồn tại biểu thị sự tồn tại còn câu tỉnh lược mang nhiều nội dung ngữ nghĩa trong đó có sự tồn tại.

Ngoài ra, câu tồn tại cũng cần được phân biệt với câu đảo ngữ. Câu đảo ngữ là câu đảo trật tự của các thành phần câu mà trường hợp đảo chủ ngữ và vị ngữ (tức kiểu câu tổ chức theo trật tự vị ngữ - chủ ngữ) là một trong số đó. Lý Toàn Thắng gọi kiểu câu này là câu đảo chủ ngữ. Trước hết, đây là vấn đề quan điểm, và cũng chỉ liên quan đến một bộ phận trong câu tồn tại chứ không phải tất cả. Cụ thể, ở kiểu câu này, chủ ngữ của câu được đặt sau động từ tồn tại hay một số động từ khác làm thời mang ý nghĩa tồn tại (Ví dụ: *Bỗng xuất hiện một người lạ mặt*. Với câu này, trật tự bình thường sẽ là *Bỗng một người lạ mặt xuất hiện*.). Quan điểm của giáo sư Diệp Quang Ban cho rằng các danh từ chỉ chủ thể tồn tại được xác định là bổ ngữ về mặt cấu trúc cú pháp mà không coi là “chủ ngữ đảo trí”. “Giải pháp này căn cứ vào hiện tượng tiếng Việt không biến hình từ và trật tự từ là phương thức quan trọng của tiếng Việt” [1; tr.179]. Mặt khác, câu tồn tại còn gồm cả kiểu câu chỉ có một bộ phận trong cấu tạo ngữ pháp mà “quan hệ tồn tại” được diễn đạt bằng chính tham thể, quan hệ tồn tại không tách khỏi vật thể tồn tại. Chưa kể trường hợp sẽ là phi lôgic nếu cứ khẳng định cho rằng thực thể đứng sau là chủ thể của trạng thái được nêu ở vị ngữ như là một hiện tượng đảo vị trí. “Vả lại, trong tiếng Việt tồn tại những câu mà chủ thể tồn tại không thể chuyển lên trước từ chỉ sự tồn tại, chẳng hạn câu *Dưới bóng tre xanh thấp thoáng những mái chùa cổ kính*.” [1; tr.179].

### 2.1.2. Tiêu chí xác định câu tồn tại

Lý thuyết về câu tồn tại của tác giả Diệp Quang Ban đưa ra tiêu chí xác định câu tồn tại như sau:

Về cấu tạo ngữ pháp: câu tồn tại là câu không có chủ ngữ

Về nghĩa: câu tồn tại biểu thị sự tồn tại (hiểu theo nghĩa rộng) của sự vật, hiện tượng...

Đây chính là cơ sở để khảo sát, nhận diện câu tồn tại xuất hiện trong tác phẩm của Nam Cao.

Để phân loại câu tồn tại thành các tiểu loại cụ thể, bài viết sử dụng tiêu chí cấu tạo ngữ pháp của câu với khuôn hình 1 bộ phận, khuôn hình 2 bộ phận và khuôn hình 3 bộ phận. Cụ thể:

Câu tồn tại hiển hiện: là câu tồn tại có khuôn hình 1 bộ phận: Vị ngữ.

Câu tồn tại khái quát: là câu tồn tại có khuôn hình 2 bộ phận: Vị tố - Bỏ ngữ.

Câu tồn tại định vị: là câu tồn tại có khuôn hình 3 bộ phận: Gia ngữ - Vị tố - Bỏ ngữ.

Nghiên cứu trên ngữ liệu khảo sát được, chúng tôi nhận thấy: câu tồn tại trong tác phẩm của Nam Cao có đầy đủ 3 tiểu loại với những biểu hiện phong phú.

## 2.2. Các kiểu câu tồn tại trong tác phẩm của Nam Cao

### 2.2.1. Câu tồn tại hiển hiện

Câu tồn tại hiển hiện là câu tồn tại có cấu tạo gồm những bộ phận cần và đủ, đó là khuôn hình 1 bộ phận: Vị tố. Qua ngữ liệu khảo sát, chúng tôi thấy, câu tồn tại hiển hiện trong tác phẩm của Nam Cao chủ yếu xuất hiện dưới hình thức câu có khuôn hình 1 bộ phận, với cấu tạo gồm một từ hoặc một cụm từ đơn giản. Ví dụ:

(1) *Sáng hôm sau.* [Hắn thức dậy trên cái giường nhà hắn.] [5; tr.19]

(2) [Một hồi còi khàn khàn vang lên.] *Sầu rười.* [5; tr.87]

(3) [Một bà lão thấp bé, đứng đón họ ngay từ cửa, vòng tay lại, kính cẩn chào.] *Mẹ vợ thằng Mỏ.* [5; tr.191]

Bên cạnh đó, trong câu tồn tại hiển hiện còn có sự tham gia của thành phần liên tố, biệt tố. Ví dụ:

(4) *Tức thì im.* [5; tr.352]

(5) *Trời đất ơi, một cái tay đàn bà.* [4; tr.81]

(6) *Rồi im lặng.* [Một thứ im lặng ghê người.] [4; tr.482]

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (4, 5, 6) được phân tích như sau:

Câu (4)	<i>Tức thì</i>	<i>im.</i>
Cấu trúc cú pháp	Biệt tố	Vị tố
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Quan hệ tồn tại

Câu (5)	<i>Trời đất ơi,</i>	<i>một cái tay đàn bà.</i>
Cấu trúc cú pháp	Biệt tố	Vị tố
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Quan hệ tồn tại + Chủ thể tồn tại

Câu (6)	<i>Rồi</i>	<i>im lặng.</i>
Cấu trúc cú pháp	Liên tố	Vị tố
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Quan hệ tồn tại

Về ý nghĩa, câu tồn tại hiển hiện xuất hiện khá nhiều với những nội dung ngữ nghĩa khác nhau. Đó là sự vật, hiện tượng, tính chất, trạng thái... gắn liền với đặc trưng tồn tại (hoặc xuất hiện, tiêu biến).

### 2.2.2. Câu tồn tại khái quát

Câu tồn tại khái quát là kiểu câu tồn tại có khuôn hình cú pháp 2 bộ phận: Vị tố - Bỏ ngữ. Vị tố biểu thị quan hệ tồn tại và bỏ ngữ biểu thị chủ thể tồn tại. Vị tố là động từ tồn tại “có, còn”, là kết hợp “chỉ có”, “chỉ còn” hay một số kết hợp khác. Vị tố cũng có khi là các động từ hành động lâm thời mang ý nghĩa tồn tại, tính từ chỉ tính chất, trạng thái. Ví dụ:

(7) [Tôi bỗng ngừng phất lại.] *Có người.* [5; tr.463]

(8) *Chỉ còn hơn vài chục trai em.* [4; tr.248]

(9) *Văng vẳng những tiếng khóc bay theo gió chiều.* [4; tr.178]

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (7, 8, 9) được phân tích như sau:

Câu (7)	<i>Có</i>	<i>người.</i>
Cấu trúc cú pháp	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Câu (8)	<i>Chỉ còn</i>	<i>hơn vài chục trai em.</i>
Cấu trúc cú pháp	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Câu (9)	<i>Văng vẳng</i>	<i>những tiếng khóc bay theo gió chiều.</i>
Cấu trúc cú pháp	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Trong câu tồn tại khái quát, bên cạnh vị tổ và bổ ngữ (những trường hợp trên) còn có sự xuất hiện của thành phần liên tổ, biệt tổ. Và xét về nghĩa, ngoài việc biểu thị nội dung sự tình (đặc trưng/ quan hệ (thuộc phần nghĩa biểu hiện của câu), câu tồn tại khái quát còn mang nghĩa tình thái hoặc mang nghĩa ngữ pháp biểu thị quan hệ với ngữ cảnh. Ví dụ:

(10) [Tiếng chân động đây.] *Rồi có tiếng nói thì thầm.* [4; tr.466]

(11) *Hướng chi lại còn có bao nhiêu khách của ông H nữa.* [4; tr.103]

(12) *Thế mà nghe đâu cũng mất dăm đồng bạc thuốc.* [5; tr.298]

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (10, 11, 12) được phân tích như sau:

Câu (10)	<i>Rồi</i>	<i>có</i>	<i>tiếng nói thì thầm.</i>
Cấu trúc cú pháp	Liên tổ	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Câu (11)	<i>Hướng chi</i>	<i>(lại) còn có</i>	<i>bao nhiêu khách của ông H nữa.</i>
Cấu trúc cú pháp	Liên tổ	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Câu (12)	<i>Thế mà,</i>	<i>nghe đâu</i>	<i>(cũng) mất</i>	<i>dăm đồng bạc thuốc.</i>
Cấu trúc cú pháp	Liên tổ	Biệt tổ	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện			Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Tóm lại, câu tồn tại khái quát có khuôn hình cấu trúc 2 bộ phận cần thiết. Đó là vị tổ nêu đặc trưng quan hệ và bổ ngữ nêu chủ thể tồn tại. Trong thực tế, câu tồn tại khái quát được thể hiện dưới các dạng khác nhau. Bên cạnh sự xuất hiện phổ biến của kiểu câu chỉ gồm hai bộ phận, câu tồn tại khái quát có thể có thêm thành phần liên tổ và biệt tổ.

### 2.2.3. Câu tồn tại định vị

Câu tồn tại định vị là kiểu câu tồn tại có khuôn hình cấu trúc ba bộ phận theo trình tự sắp xếp: Gia ngữ - Vị tố - Bổ ngữ. Ví dụ:

(13) *Ngày hôm sau, vẫn còn có báo động.* [5; tr.323]

(14) *Ở trong các xác to lớn ấy chỉ có một tí ti linh hồn.* [4; tr.377]

(15) *Ở đấy, còn có lửa.* [4; tr.441]

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (13, 14, 15) được phân tích như sau:

Câu (13)	<i>Ngày hôm sau</i>	<i>vẫn còn có</i>	<i>báo động.</i>
Cấu trúc cú pháp	Gia ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Thời gian	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Câu (14)	<i>Ở trong các xác to lớn ấy</i>	<i>chỉ có</i>	<i>một tí ti linh hồn.</i>
Cấu trúc cú pháp	Gia ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Vị trí	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Câu (15)	<i>Ở đấy</i>	<i>còn có</i>	<i>lửa.</i>
Cấu trúc cú pháp	Gia ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Vị trí	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Bên cạnh những trường hợp trên, câu tồn tại định vị còn xuất hiện với những kiến trúc ngữ pháp phong phú khác.

#### *Trường hợp không có bổ ngữ trong cấu tạo ngữ pháp*

Hiện tượng không có bổ ngữ chỉ thực thể tồn tại đi kèm xảy ra khi vị tố là những từ tượng thanh, tượng hình, là những tính từ chỉ tính chất. Ví dụ:

(16) *Ở bên kia lục súc.* [4; tr.482]

(17) *Ở nhà bên cạnh, im ắng lắm.* [4; tr.466]

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (16, 17) được phân tích như sau:

Câu (16)	<i>Ở bên kia</i>	<i>lục súc.</i>
Cấu trúc cú pháp	Gia ngữ	Vị tố
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Vị trí	Quan hệ tồn tại

Câu (17)	<i>Ở nhà bên cạnh,</i>	<i>im ắng lắm.</i>
Cấu trúc cú pháp	Gia ngữ	Vị tố
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Vị trí	Quan hệ tồn tại

Trường hợp thêm thành phần liên tố, biệt tố trong cấu tạo ngữ pháp. Ví dụ:

(18) *Thật ra thì trong nhà đã nhá nhem rồi.* [5; tr.175]

(19) *Nhưng, bỗng có tiếng cười đột ngột.* [5; tr.465]

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (18, 19) được phân tích như sau:

Câu (18)	<i>Thật ra (thì)</i>	<i>trong nhà</i>	<i>đã nhá nhem rồi.</i>
Cấu trúc cú pháp	Biệt tổ	Gia ngữ	Vị tổ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Vị trí	Quan hệ tồn tại + chủ thể tồn tại

Câu (19)	<i>Nhưng</i>	<i>bỗng</i>	<i>có</i>	<i>tiếng cười đột ngột.</i>
Cấu trúc cú pháp	Liên tổ	Gia ngữ	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Thời gian	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

*Trường hợp đảo vị trí gia ngữ (trạng ngữ) chỉ thời gian, không gian*

Đối với kiểu câu này, gia ngữ chỉ thời gian, không gian có mặt trong tổ chức cú pháp của câu nhưng không ở vị trí thông thường của kiểu câu tồn tại định vị điển hình: đứng đầu câu. Vị trí của gia ngữ trong các câu này là giữa hoặc cuối câu (và dễ dàng đưa lên đầu câu).

Ví dụ:

(20) *Cái nhà lá, một hôm có người đến hỏi thuê.* [5; tr.219]

(21) *Nhưng vẫn còn tiếng cuốc ở vườn bên cạnh.* [5; tr.364]

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (20, 21) được phân tích như sau:

Câu (20)	<i>Cái nhà lá,</i>	<i>một hôm</i>	<i>có</i>	<i>người đến hỏi thuê.</i>
Cấu trúc cú pháp	Đề ngữ	Gia ngữ	Vị tổ	Bổ ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện	Chủ đề	Thời gian	Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại

Câu (21)	<i>Nhưng</i>	<i>vẫn còn</i>	<i>tiếng cuốc</i>	<i>ở vườn bên cạnh.</i>
Cấu trúc cú pháp	Liên tổ	Vị tổ	Bổ ngữ	Gia ngữ
Cấu trúc nghĩa biểu hiện		Quan hệ tồn tại	Chủ thể tồn tại	Vị trí

### 3. KẾT LUẬN

Câu tồn tại là một dạng câu khá đặc biệt của tiếng Việt. Về cấu tạo ngữ pháp: không có chủ ngữ, về nghĩa: biểu thị sự tồn tại (hiểu theo nghĩa rộng) của sự vật, hiện tượng... Thực thể mang trạng thái tồn tại được biểu thị bằng bổ ngữ của câu. Ở một số trường hợp, không có bổ ngữ chỉ thực thể đi kèm. Trong từng tiểu loại câu tồn tại đều có những trường hợp điển hình (có cấu trúc cú pháp gồm những bộ phận cần và đủ: khuôn hình một bộ phận ở câu tồn tại hiển hiện, khuôn hình hai bộ phận ở câu tồn tại khái quát, khuôn hình ba bộ phận ở câu tồn tại định vị) và những trường hợp không điển hình với việc thêm các thành phần phụ như liên tổ, biệt tổ hay thay đổi thứ tự sắp xếp các bộ phận trong tổ chức hình tuyến của câu.

Nam Cao không chỉ là một tác giả văn học nổi tiếng với những sáng tác mang đậm hơi thở của một thời, với những hình tượng nhân vật đã ăn sâu vào tiềm thức người đọc, Nam Cao còn là một bậc thầy về sử dụng ngôn ngữ. Với lối văn phong giản dị, tự nhiên đã làm nên một phong cách ngôn ngữ độc đáo không thể hòa lẫn. Câu tồn tại xuất hiện nhiều trong các sáng tác của ông đã góp phần không nhỏ vào việc khẳng định phong cách ngôn ngữ dung dị, đời thường mà sâu sắc của nhà văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Diệp Quang Ban (1998), *Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Nam Cao (2005), *Tuyển tập Nam Cao*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [5] Nam Cao (2005), *Tuyển tập Nam Cao*, tập 2, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Cao Đàm (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt (Câu đơn hai thành phần)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [7] M.A.K Haliiday (2005), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [8] Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Lưu Văn Lăng (1970), Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt trên quan điểm ngữ đoạn tầng bậc có hạt nhân, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3.
- [10] Hồ Lê (1991), *Cú pháp tiếng Việt, quyển 1*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11] Hoàng Trọng Phiến (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt - Câu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [12] Lý Toàn Thắng (2008), *Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Minh Thuyết (1981), Câu không chủ ngữ với tân ngữ đứng đầu, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1.
- [14] Lê Quang Thiêm (1985), Nhận xét về đặc điểm ngữ nghĩa của một kiểu câu tiếng Việt, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 4.
- [15] Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương (2007), *GT Ngữ pháp tiếng Việt*, (Sách dự án đào tạo giáo viên Trung học cơ sở), Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [16] Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc Gia (2002), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [17] Hoàng Văn Vân (2004), *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: Mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

**EXISTENTIAL SENTENCE IN NAM CAO'S WRITINGS**

**Le Thi Binh**

**ABSTRACT**

*Existential sentence is a special form of Vietnamese. In terms of grammatical structure, it does not have subject; in terms of meaning, it denotes the existence (in the broad*



*sense) of things and phenomena. The entity which is in a state of existence is indicated by the complement of the sentence. There are typical cases in each sub-category of existential sentences (the syntax consists of necessary and sufficient parts). There are also atypical cases with the addition of morphological elements, the alignment or the modification of component arrangement in the sentence structure. This article explores the types of existential sentences in Nam Cao' writings.*

**Keywords:** *Nam Cao, syntax, meaning, existential sentence, complement.*

\* Ngày nộp bài: 6/4/2023; Ngày gửi phản biện: 8/4/2023; Ngày duyệt đăng: 26/4/2023